

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG ĐIỀN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2019/HNGĐ-ST

Ngày 09/8/2019

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Viết Nước.

2. Ông Đặng Công Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Điền xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2018/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 15/7/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị B; sinh năm: 1988;

Nơi cư trú: Thôn Tân Mỹ, xã Quảng Ngạn, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm K; sinh năm: 1981;

Nơi cư trú: Thôn Cương Gián, xã Quảng Công, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 14 tháng 11 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị B trình bày:

Chị B và anh Phạm K sau một thời gian quen biết, tìm hiểu đã tổ chức lễ cưới, cùng chung sống từ năm 2006, đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Quảng Công, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 16/3/2006. Sau

cưới, vợ chồng chung sống cùng gia đình nhà chồng. Hạnh phúc được một khoảng thời gian rất ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hòa hợp, anh K thường hay nhậu nhẹt rồi về gây gổ, đánh chửi vợ con, không quan tâm, chăm lo đến cuộc sống gia đình. Không thể tiếp tục chịu đựng, chị B đã đưa con đi sống ở nơi khác. Vợ chồng sống ly thân đến nay đã hơn 4 năm, không quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Nay tình cảm không còn, chị B xin được ly hôn với anh K để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung là Phạm Thị Ngọc H, sinh ngày: 28/9/2006 và Phạm Thị Khánh B, sinh ngày: 03/6/2009, hiện nay cả hai con chung đều đang sống cùng chị B. Sau ly hôn, chị B xin được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập đến Tòa án làm việc nhưng anh K vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể thu thập được lời khai của bị đơn.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh hộ khẩu và tình trạng cư trú của anh K. Kết quả xác minh tại Công an xã Quảng Công được biết: Hiện nay anh Phạm K đang có nơi đăng ký nhân khẩu thường trú tại thôn Cương Gián, xã Quảng Công, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế và đang làm ăn ở nơi khác, không rõ địa chỉ. Anh K và chị B sống mỗi người một nơi nên nhà đóng khóa cửa, không có người sinh sống trong nhà; sau khi Tòa án thụ lý vụ án, anh K có trở về nhà ở địa phương nơi cư trú. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Điền tham gia phiên tòa:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

Việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; riêng bị đơn không chấp hành mặc dù đã được Tòa án thông báo, niêm yết giấy triệu tập các văn bản tố tụng hợp lệ.

Về nội dung vụ án: Từ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng giữa chị B và anh K đã trầm trọng; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho chị B được ly hôn với anh K.

Về con chung: Đề nghị chấp nhận giao 02 con chung cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung trưởng thành tròn 18 tuổi; anh K không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị B có đơn xin ly hôn, anh Phạm K có nơi đăng ký nhân khẩu thường trú tại xã Quảng Công, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế nên tranh chấp trên được xác định là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Phạm K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị B và anh Phạm K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 08/2006, ngày 16/3/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Công, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó, hôn nhân của chị Trần Thị B và anh Phạm K là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hòa hợp, anh K thường hay nhậu nhẹt rồi về gây gỗ, đánh chửi vợ con, không chăm lo đến cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vã nhau. Chị B và anh K sống mỗi người một nơi đến nay đã hơn 04 năm; sống bỏ mặt nhau, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Vì vậy, mâu thuẫn của chị B và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, sống bỏ mặc nhau nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị B được ly hôn với anh K.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống, chị B và anh K có 02 con chung là Phạm Thị Ngọc H, sinh ngày: 28/9/2006 và Phạm Thị Khánh B, sinh ngày: 03/6/2009. Chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung đến trưởng thành và tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Mặc dù anh K không đến Tòa án để thể hiện quan điểm và nguyện vọng về quyền nuôi con nhưng

xét thấy cả 02 con chung đều có nguyện vọng được sống cùng mẹ, chị B có công việc và thu nhập ổn định. Do đó, yêu cầu được quyền nuôi dưỡng các con chung của chị B là chính đáng, không trái với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của các con chung nên cần chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao 02 con chung cho chị B tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành, anh K không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung vì chị B không có yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Trần Thị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị B.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị B được ly hôn với anh Phạm K.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Ngọc H, sinh ngày: 28/9/2006 và Phạm Thị Khánh B, sinh ngày: 03/6/2009 cho chị Trần Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành tròn 18 tuổi.

Anh Phạm K không cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Chị Trần Thị B phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số: AA/2013/005065 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Điền, chị B đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân

sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Quảng Điền;
- Chi cục THA.DS huyện Q.Điền;
- UBND xã Quảng Công;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Thuận

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Quảng Điền;
- Chi cục THA.DS huyện Q.Điền;
- UBND xã Quảng Công;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Thuận

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Quảng Điền;
- Chi cục THA.DS huyện Q.Điền;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Cao Sơn